

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lương Hồng L, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: Số 42C, ấp B, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Số 176B, ấp H, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Lương Hồng L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 10/7/1996, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, bà và ông P đã cố gắng hàn gắn nhưng không

thành và đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/7/1987 và Nguyễn Y P, sinh ngày: 02/12/1994, tất cả đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà L không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà L có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông P đến để tiến hành hòa giải nhưng ông P vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lương Hồng L khởi kiện ông Nguyễn Văn P yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn P là bị đơn cư trú tại thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Lương Hồng L có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Ông Nguyễn Văn P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Hồng L và ông Nguyễn Văn P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 10/7/1996, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà L cho

rằng mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau và đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông P để tham gia phiên hòa giải nhưng ông P vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thể hiện ông P không muốn hàn gắn và ông, bà đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông P là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[3.2] Về con chung: bà Lương Hồng L và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/7/1987 và Nguyễn Y P, sinh ngày: 02/12/1994, tất cả đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Lương Hồng L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Lương Hồng L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Lương Hồng L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Hồng L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Bà Lương Hồng L và ông Nguyễn Văn P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/7/1987 và Nguyễn Y P, sinh ngày: 02/12/1994, tất cả đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lương Hồng L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lương Hồng L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Lương Hồng L phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002583 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Lương Hồng L và ông Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út